

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST

Ngày: 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên.

Ông Trương Xuân Việt.

- Thư ký phiên toà: Ông Giang Tiến Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàn Văn Q;** tên gọi khác: không; sinh năm 1961; tại huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản S, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Chín S (đã chết) và bà Tẩn Lở M (đã chết); Gia đình có 05 chị em bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ là Lý Tả M1, sinh năm 1964 và có 04 con, các con đều trên 18 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: quá trình sinh sống và tham gia các hoạt động tại cộng đồng ở địa phương, bị cáo Phàn Văn Q có nhiều thành tích được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giai cấp nông dân, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Chữ thập đỏ. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2019 đến nay. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phản Xuân N**; tên gọi khác: không; sinh năm 1987; tại huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt N và bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 67-QĐ/UBND THU, ngày 03/5/2019 của Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy; bị cáo là con ông Phản Văn Q sinh năm 1961 (Q là bị cáo trong cùng vụ án) và bà Lý Tả M1, sinh năm 1964; gia đình có 04 chị, em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ là Lý Minh H, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2019 đến nay. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Công Hưởng- trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu - Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Đ - Phó Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: 1/ Anh Đặng Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh L (vắng mặt).

2/ Anh Triệu Văn B, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2018, do bị đợt lũ cuốn trôi không còn đất ruộng để trồng lúa, Phản Văn Q, sinh năm 1961, trú tại bản Sơn Bình, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu có ý định sửa ruộng cũ ở bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ (đám ruộng nằm sát rừng tiểu khu 28 thuộc bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho) mà trước đó Q và con trai Phản Xuân N, sinh năm 1987, trú tại bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ đã cùng khai hoang trồng lúa từ năm 2006, đến năm 2016 do N đi làm ở thủy điện nên đám ruộng đó bỏ hoang. Khoảng đầu tháng 11/2018, Phản Xuân N đến nhà Phản Văn Q chơi, hai bố con bàn nhau sửa lại ruộng cũ để trồng lúa. Đến giữa tháng 11/2018 Phản Văn Q đi kiểm tra ruộng trên đường về gặp Đặng Văn H, sinh năm 1987, ở bản Bông Ba, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai là người đã san xức ruộng thuê cho Q từ năm 2016. Qua trò chuyện Phản Văn Q bảo H sửa lại cho Q đám

ruộng cũ ở bản T, xã M, huyện Phong Thổ. Hai bên hẹn nhau để hôm nào lên xem cụ thể và cho nhau số điện thoại. Khi về nhà Phan Văn Q đã nảy sinh ý định thuê máy xúc của H để san ủi vào diện tích rừng liền kề với ruộng để mở thêm diện tích ruộng cho gia đình và sau này cho con, cháu tiếp tục sản xuất. Do việc thuê máy xúc hết nhiều tiền Phan Văn Q đã bàn với con là Phan Xuân N ý định san ủi ruộng để mở rộng diện tích ruộng của gia đình và bàn với N góp chung tiền thuê máy xúc, N đồng ý. Sau khi hai bố con thống nhất Phan Xuân N gọi điện thoại cho trưởng bản T, xã M là ông Lù Phủ L, sinh năm 1973 để xin phép cho máy xúc đi vào đường dân sinh để sửa lại ruộng cũ. Ông Phan Phủ L biết gia đình Phan Xuân N có ruộng ở bản T, xã M đã trồng lúa từ lâu và hiện đang bỏ hoang cỏ mọc nên đồng ý với đề nghị của Phan Xuân N.

Khoảng 3 đến 4 ngày sau kể từ hôm gặp nhau, Đặng Văn H gọi điện thoại cho Phan Văn Q báo việc H sẽ lên bản T, xã M, huyện Phong Thổ nếu muốn san ủi thì chiều dẫn H đi xem. Phan Văn Q gọi điện thoại báo N đưa H đi nhưng N bận nên Q đưa H đi xem. Khi đến ruộng cần san ủi, Q chỉ vào diện tích ruộng cũ và hỏi H nếu sửa lại ruộng cũ này hết bao nhiêu tiền công H đáp hết 22 triệu đồng. Do đã có ý định san ủi thêm diện tích rừng để mở rộng ruộng Q dẫn H đi vào khu vực rừng liền kề với ruộng, vừa đi Q vừa dùng tay bẻ cành cây và dùng chân dẫm đạp lên đất rừng để đánh dấu, khoanh vùng ranh giới cần san ủi cho H biết. Đặng Văn H thấy diện tích Phan Văn Q thuê san ủi có nhiều cây gỗ to đang sinh trưởng và phát triển, cây to nhất có đường kính khoảng 30cm, cao khoảng hơn 10m thì hỏi Q có nhiều cây to thế này san ủi có sao không. Phan Văn Q biết là diện tích san ủi thêm đã lấn chiếm phá rừng và rừng đó được Nhà nước khoanh nuôi bảo vệ, có chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng nhiều năm nhưng Q không nói cho H biết chỉ báo H cứ san ủi vì đây là nương ruộng cũ của gia đình, có gì gia đình chịu trách nhiệm. Xem xét toàn bộ diện tích Q thuê san ủi H và Q đi đến thống nhất số tiền là 60 triệu đồng. Thống nhất diện tích cần san ủi và giá thuê xong Q gọi điện thông báo cho N, sau đó Q đến nhà trưởng bản T, xã M để xin phép cho máy xúc đi vào sửa ruộng, đồng thời tự nguyện đưa cho trưởng bản 500.000 đồng góp vào quỹ bản để sửa đường vì nghĩ trên đường máy xúc đi vào có thể làm hỏng đường của bản.

Chiều ngày 23/11/2018, Đặng Văn H đưa máy xúc lên bản T, xã M nhưng chưa tiến hành san ủi. Q thấy H lên thì gọi điện cho N biết để lên xem nhưng N không có nhà nên Q đi lên khu vực ruộng xem H có tiến hành san ủi không thì thấy H vẫn chưa làm nên Q về nhà. Sáng ngày 24/11/2018, Phan Văn Q ra ruộng xem đã thấy H lái máy xúc loại nhỏ, có bánh xích màu sơn xanh đen, hiệu KOBELCO đang san ủi diện tích ruộng cũ, Q gọi điện thông báo cho N biết, sau đó Q đi xung quanh vị trí đã đánh dấu hôm trước tiếp tục dùng tay bẻ thêm các cành cây đánh dấu cho H dễ nhận biết vị trí khi san ủi. Sáng ngày 25/11/2018, H tiếp tục san ủi ruộng cũ, Q cũng lên xem giám sát. Đến trưa thì Q đi về nhà, còn

H nghỉ làm về nhà N ăn cơm, cũng buổi trưa đó N đi kiểm tra thấy H đang san ủi ở ruộng cũ, N tiếp tục kiểm tra xung quanh thấy Q đã đánh dấu vị trí cần san ủi và thấy rõ các vị trí Q đánh dấu đã xâm lấn cả vào rừng của Nhà nước đã khoanh nuôi bảo vệ đúng như Q và N đã bàn. Sau khi kiểm tra xong N đi về nhà và đưa cho H số tiền là 25.000.000 đồng để H mua dầu và nói với H cố gắng san ủi xong sớm và san thành ruộng đẹp luôn đồng thời N thông báo cho Q biết số tiền đã đưa cho H để Q trừ khi thanh toán tiền công. H nhận tiền ứng trước do có việc muốn về Lào Cai nên gọi điện thoại cho Triệu Văn Bộ, sinh năm 1993 (người cũng bản và cùng là người góp tiền mua máy xúc mà H đang sử dụng san ủi cho Q) để lên san ủi thay cho H, B nhất trí. Chiều cùng ngày khi Q đang hướng dẫn H san ủi thì B lên, H đã bàn giao công việc cho B, B tiếp tục lái máy xúc san ủi theo hướng dẫn của Q. Khi phá nhổ cây để san ủi B thấy có nhiều cây hỗn loài đang sinh trưởng và phát triển, cây to có đường kính khoảng 30 cm, cao hơn 10m đã hỏi Q nhổ các cây đó có sao không. Q bảo B đây là nương cũ của nhà cứ làm đi không sao có gì Q chịu trách nhiệm. Nghe Q nói vậy B dùng gàu xúc phá nhổ các cây, có cây nhổ được cả gốc, rễ lên, có cây bẻ gãy sát gốc, có cây bẻ gãy ngang thân, toàn bộ cây sau khi được phá nhổ lên Q hướng dẫn B xếp gọn quanh mép ngoài bờ ruộng thành đồng. Sau khi phá nhổ hết các cây, B tiến hành san ủi đất từ phía trên xuống và đắp thành ruộng bậc thang theo sự hướng dẫn của Q. Đến khoảng trưa ngày 28/11/2018, khi B đang san ủi có Q hướng dẫn thì N cũng đến xem tiến độ san ủi. N thấy các cây rừng tại khu vực san ủi đã được phá nhổ xếp thành đồng ở mép bờ ruộng, hai thửa ruộng đã san ủi có chỗ chưa bằng phẳng đã trao đổi yêu cầu B sửa lại, sau đó N đi về. Trong các ngày 29, 30/11/2018, B tiếp tục san ủi dưới sự giám sát của Q. Chiều ngày 30/11/2018 H đi lên khu vực B đang san ủi để kiểm tra đã thấy B san ủi xong toàn bộ khu vực được thuê thành ba thửa ruộng bậc thang như trong thỏa thuận với Q dưới sự hướng dẫn cụ thể của Q và N. Sau khi Q đồng ý nghiệm thu việc san ủi, H và B đưa máy về để tại bản Tả Phìn và đi vào nhà N. Q thanh toán cho H đủ số tiền công còn thiếu 35.000.000 đồng như thỏa thuận.

Đầu tháng 12/2018, Ban quản lý của bản T, xã M, huyện Phong Thổ đi kiểm tra rừng thuộc địa bàn được giao quản lý phát hiện Q và N đã san ủi ruộng cũ vào cả rừng của Nhà nước đã khoanh nuôi bảo vệ rừng thành thửa ruộng bậc thang nên thông báo với Ủy ban nhân dân xã và Hạt kiểm lâm huyện giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/12/2018, Hạt kiểm lâm huyện Phong Thổ cùng với các cơ quan chức năng đến khu vực san ủi kiểm tra và lập biên bản xác định vị trí rừng bị san ủi thành ruộng bậc thang là rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng thường xanh phục hồi (TXP) tại tiểu khu 28 khoảnh 14 lô 13-TXP/8.73 và 19-TXP/37.35 thuộc bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho đã được nhà nước phê duyệt phương án khoán bảo vệ rừng để chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Quyết định số 17/QĐ-

UBND ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020 và các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ số 1237/QĐ-UBND ngày 10/6/2016, Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 08/8/2017, số 2569/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 về phê duyệt điều chỉnh phương án khoán bảo vệ rừng để chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện Phong Thổ các năm 2016, 2017, 2018.

Ngày 19/12/2018 qua công tác khám nghiệm, đo đếm xác định toàn bộ khu vực đã san ủi thành ba thửa ruộng bậc thang có tổng diện tích là 6.700m² trong đó diện tích đất ruộng cũ của gia đình Q và N được trồng lúa và không có cây rừng là 885,8m². Diện tích rừng bị chặt phá cây rừng san ủi thành ruộng là 5.814,2m². Tại hiện trường có 01 cây bị gãy đổ còn nguyên gốc cao 02m, phần thân cây có chiều dài vút ngọn 10m70, đường kính 35cm; xung quanh bờ ruộng đã khai hoang mới có nhiều cây khô đã rụng lá gãy rời gốc được chặt đổ, cây bị chết hoàn toàn, có cây còn nguyên gốc, có cây bị bẻ gãy sát gốc, có cây bị bẻ gãy ngang thân, thân cây có các kích thước khác nhau cây to nhất đường kính 38cm, chiều cao vút ngọn 10m12. Tỷ lệ mật độ cây của khu rừng bị phá là 1.060 cây/ha, là cây gỗ hỗn loài. Tổng số cây bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 5.814m² là 616 cây.

Ngay sau khi bị khởi tố Phan Xuân N và Phan Văn Q đã tự nguyện khắc phục ngay hậu quả trồng cây mới vào diện tích rừng bị chặt phá là 335 cây gỗ lát hoa (có biên bản kiểm tra ngày 18/3/2019 của chính quyền địa phương, Hạt kiểm lâm và Ban quản lý rừng phòng hộ về số cây hai bị cáo trồng đạt 100% tỷ lệ sinh trưởng tốt), đồng thời các bị cáo tự nguyện góp tiền bồi thường 40.000.000 đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ theo biên bản ngày 21/3/2019.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐ ĐGTS, ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: Rừng tự nhiên, trạng thái rừng thường xanh phục hồi là rừng sản xuất, diện tích thiệt hại 5.814m²; Trữ lượng thiệt hại (m³): Gỗ tròn (gỗ tạp, gỗ thông thường): 30,6105m³, giá trị thiệt hại là 73.465.200 đồng, củi: 55,6328 m³, giá trị thiệt hại 16.689.840 đồng; thiệt hại về môi trường rừng là 270.465.120 đồng; tổng giá trị thiệt hại tại thời điểm tháng 11/2018 là 360.620.160 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng*).

Với những tình tiết như trên bản cáo trạng số: 20/CT-VKS, ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Phan Văn Q và Phan Xuân N về tội " *Hủy hoại rừng*" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng, không có tình tiết mới.

Đại diện nguyên đơn dân sự có lời trình bày khu vực rừng mà các bị cáo chặt phá là rừng sản xuất thuộc trạng thái thường xanh phục hồi mà nhà nước đã giao cho nguyên đơn quản lý, nguyên đơn đã kết hợp với cộng đồng dân cư ở bản tham gia bảo vệ rừng; hàng năm mỗi hộ gia đình trong bản đều được chi trả tiền bảo vệ rừng. Ban quản lý rừng đã cùng với cơ quan chức năng kiểm tra, đo đếm xác định người chặt phá cây rừng là do các bị cáo thuê người chặt phá san ủi thành ruộng; các cây rừng bị chặt phá thiệt hại 100% không còn khả năng sinh trưởng tiếp, nay yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe cho người khác và phải bồi thường tổng trị giá thiệt hại theo hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Phong Thổ sau khi đối trừ số tiền mặt 40.000.000 đồng các bị cáo đã bồi thường, cũng như nhất trí xem xét công trồng và giống trồng 335 cây gỗ lát cho hai bị cáo là 9.677.000 đồng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho các bị cáo mức án thấp nhất có thể.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa Viện kiểm sát vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Hủy hoại rừng”. Trên cơ sở phân tích chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo khẳng định các bị cáo phạm tội lần đầu đều không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng cho hai bị cáo điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Riêng bị cáo Phan Văn Q trong quá trình sinh sống ở cộng đồng có nhiều thành tích trong lao động được nhiều cấp ngành tặng kỷ niệm chương đây là tình tiết *“người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác, sản xuất”* theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do vậy đề nghị áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Q với mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Còn bị cáo Phan Xuân N là con trai của bị cáo Phan Văn Q nên xét ở khía mỗi quan hệ trong gia đình bị cáo N là người con nên khi được bố bàn bạc đã không can ngăn mà làm theo nên chỉ cần áp dụng Điều 35 với mức phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng cũng đủ răn đe, trừng trị. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như khấu trừ thu nhập của bị cáo Q. Chấp nhận đề nghị bồi thường của nguyên đơn dân sự, sau khi khấu trừ các khoản bị cáo đã khắc phục bồi thường, vậy hai bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền là 310.943.160 đồng theo kỷ phần phù hợp quy định tại Điều 584, 585, 586, 587, 589, Bộ luật Dân sự, đồng thời yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm là công dân trong cộng đồng tiếp tục nâng cao ý thức chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa. Người bào chữa cho hai bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại bằng tiền và trồng lại rừng để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo; Đồng thời các bị cáo trồng rừng với loại gỗ lát trong đó chi phí trồng lại là 34.050.000 đồng là chi phí thực tế của người dân ở địa phương nên đề nghị nguyên đơn dân sự cân nhắc khấu trừ chi phí trồng rừng hợp lý cho các bị cáo; hơn nữa các bị cáo đã bồi thường bằng tiền thì không phải khắc phục bằng hành vi; đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo mức án thấp dưới khung, đặc biệt đối với bị cáo N đề nghị chỉ xử phạt trên mức 1.000.000 đồng theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự là hợp lý vì kinh tế gia đình của các bị cáo cũng như thực tế vì kế mưu sinh mà các bị cáo với suy nghĩ đơn giản mở rộng ruộng để canh tác lúa mà không thấy trước hậu quả của việc chặt phá rừng, phá cây.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Viện kiểm sát đối đáp vẫn giữ nguyên quan điểm như luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo vì căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm cũng như vai trò của bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường đề nghị cân nhắc theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường số tiền 310.943.160 đồng vì đây là bồi thường cho Nhà nước, các căn cứ khấu trừ công trồng và giống cây nguyên đơn đã căn cứ đúng quy định của Nhà nước nên không chấp nhận chi phí trồng cây và công trồng cây như thực tế mà hai bị cáo đã kê khai, đề nghị các bị cáo tiếp tục chăm sóc cây rừng mới trồng để cuối năm nghiệm thu và cùng công dân trong bản có trách nhiệm, nghĩa vụ tuyên truyền và bảo vệ rừng.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Q nhận thấy rõ tác hại của việc mình thông báo cho con biết toàn bộ sự việc rồi để cho con góp chung tiền, bàn bạc cùng tham gia nên đề nghị Hội đồng xét xử cho con của bị cáo là bị cáo N trong vụ án được hưởng mức án nhẹ của điều luật và xin giảm nhẹ việc bồi thường cho các bị cáo; ngoài ra bị cáo Q còn xin chịu trách nhiệm bồi thường dân sự nhiều hơn so với bị cáo N; các bị cáo còn xin Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người bào chữa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị cáo, kiểm sát viên, người bào chữa đều đề nghị tiếp tục xét xử. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản kiểm tra của Hạt kiểm lâm huyện Phong Thổ, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là anh Đặng Văn H, Triệu Văn Bộ và lời khai đó còn trùng khớp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, do vậy có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có thêm diện tích ruộng để trồng lúa Phan Văn Q, sinh năm 1961 đã bàn với con là Phan Xuân N, sinh năm 1987 thuê người dùng máy xúc san ủi ruộng và san ủi thêm diện tích rừng của nhà nước đã khoanh nuôi bảo vệ và chi trả dịch vụ môi trường rừng để mở rộng làm ruộng trồng lúa. Trong thời gian từ sáng ngày 24/11/2018 đến chiều ngày 30/11/2018 bị cáo Phan Văn Q cùng con trai là bị cáo Phan Xuân N thuê, chỉ đạo, hướng dẫn Đặng Văn H, sinh năm 1987 và Triệu Văn B, sinh năm 1993 cùng trú tại bản B, xã B, huyện B, tỉnh L sử dụng máy xúc loại máy nhỏ xích màu sơn xanh đen, hiệu KOBELCO để phá nhỏ, bẻ gãy ngang thân các cây rừng thuộc khu vực rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng thường xanh phục hồi (TXP) tại Tiểu khu 28 khoảnh 14 lô 13-TXP/8.73 và 19-TXP/37.35 thuộc bản T, xã M rồi san gạt đất tạo thành ba thửa ruộng bậc thang, gây tổng diện tích đất rừng bị phá là 5.814m², số cây bị chặt phá là 616 cây; thiệt hại tính bằng tiền là 360.620.160đ (*Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng*).

Hành vi thuê người phá cây rừng để san ủi làm ruộng xâm lấn vào đất rừng của các bị cáo ở khu vực rừng thường xanh phục hồi là rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ quản lý với bản ảnh hiện trường để lại hậu quả các cây đều bị đứt rời, hoặc đứt ngang thân nằm dưới đất, các cây đều không còn khả năng sinh trưởng là hành vi hủy hoại rừng. Hành vi hủy hoại rừng là hành

vì nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường. Nhất là tài nguyên rừng - lá phổi của trái đất, ảnh hưởng trực tiếp đến khí hậu toàn cầu, bảo vệ rừng luôn đặt lên hàng đầu. Bản thân các bị cáo đã trưởng thành, nhận thức được hành vi chặt cây rừng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, vì hàng năm gia đình các bị cáo được tuyên truyền công tác bảo vệ rừng và đã nhận tiền bảo vệ rừng nhưng do lợi ích trước mắt lấy đất canh tác mà các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp không nhận thấy tác hại do hành vi của mình gây ra là nguy hiểm cho môi trường và khí hậu, với 616 cây gỗ hỗn loài bị thiệt hại 100% không còn khả năng sinh trưởng trên diện tích rừng bị phá 5.814,2m² đủ cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*", theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự; cụ thể điều luật quy định: "*Khoản 1: Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

b, Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²)

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện ở các lời khai khác của bị cáo hoàn toàn khớp nhau; các bị cáo đã tự nguyện góp tiền bồi thường thiệt hại, tự nguyện mua cây gỗ lát trồng vào toàn bộ diện tích rừng bị phá với tổng số cây là 335 cây đạt số lượng 96,3% số cây che phủ (thiếu 13 cây theo quy định về mật độ tiêu chuẩn, qua kiểm tra 100% các cây mới trồng đều đã sinh trưởng tốt); các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn nên hạn chế về nhận thức, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phan Văn Q nhân thân còn có nhiều cống hiến cho cộng đồng dân cư nơi sinh sống được các bộ, ngành tặng Kỷ niệm chương như Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giai cấp nông dân, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chữ thập đỏ nên cần xem xét là tình tiết "*người phạm tội có thành tích xuất sắc trong lao động, công tác*" theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét nhân thân các bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo mà áp dụng hình phạt thấp trong khung hình phạt là phù hợp, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, cũng như hình phạt cho hai bị cáo để thể hiện được sự khoan hồng của Nhà nước ta đối với người biết sửa chữa, ăn năn hối cải.

[5] Phân hóa vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ mà chỉ là sự thông báo của bị cáo Q với vai trò của người bố

bảo con làm theo, bị cáo N khi thấy bố là bị cáo Q thông báo rủ tham gia cùng, lẽ ra phải can ngăn nhưng vì là bố mà bị cáo phải đồng ý tham gia; toàn bộ quá trình san ủi ruộng, san ủi vào đất rừng với diện tích như thế nào, giá tiền bao nhiêu, đến quá trình giám sát việc san ủi chặt phá cây rừng đều do bị cáo Q trực tiếp thực hiện, bị cáo N chỉ biết sự việc và đồng thuận với việc có góp chung tiền, chung mục đích. Do vậy bị cáo Q là chủ mưu, khởi xướng nên phân hóa hình phạt thì bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N theo Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo xuất phát do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có ruộng, đất canh tác, trong khi đó bị cáo còn phải bồi thường tiền môi trường rừng cho phía nguyên đơn dân sự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo Q hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo N áp dụng hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền và ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo và cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với đề nghị của Người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử nhận thấy về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án. Do đó quan điểm đối đáp của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự vẫn đề nghị hai bị cáo phải bồi thiệt hại đã gây ra trị giá bằng tiền như biên bản định giá sau khi trừ đi số tiền mặt các bị cáo đã nộp và trị giá bằng tiền (tiền mua cây giống 335 cây, tiền công đào hố trồng cây; tiền công chăm sóc thời gian trồng cây) đây là yêu cầu đúng luật cần chấp nhận. Xét thiệt hại do hành vi của các bị cáo gây ra là thiệt hại đối với nhà nước nên cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường, nhưng căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự về nguyên tắc bồi thường: *“Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. ...hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc”*. Trong vụ án này các bị cáo đã bồi thường được một khoản tiền và cũng thực hiện cả công việc trồng lại cây rừng đạt đến mức 96,3% số lượng cây che phủ, mặc dù để phát tán thành rừng cần khoảng thời gian 5 đến 6 năm như ý kiến của nguyên đơn dân sự. Do vậy việc các bị cáo trồng cây trong khoảng thời gian qua để có được 100% các cây đều sinh trưởng tốt như biên bản kiểm tra giữa Ban quản lý rừng, Hạt kiểm lâm, chính quyền địa phương là đúng thực tế. Vì vậy xét thực tế theo bản kê khai chi phí thực tế cho giống cây, công trồng và công chăm sóc những tháng qua của hai bị cáo là 34.050.000 đồng đã được chính quyền địa phương xác nhận có căn cứ hợp tình, hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bào chữa đề nghị. Vậy, số tiền hai bị cáo đã bồi thường được là 74.050.000 đồng (40.000.000 đồng + 34.050.000 đồng). Tổng số tiền hai bị cáo còn phải bồi thường là **286.570.160 đồng** (360.620.160 đồng – 74.050.000 đồng).

Xét vai trò trách nhiệm của hai bị cáo khác nhau do vậy khi phân hóa trách nhiệm bồi thường dân sự đối với hai bị cáo cũng cần phân hóa theo kỷ phần phù hợp để việc thi hành án được đảm bảo, cụ thể hai bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự (Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ) số tiền như sau: bị cáo Phan Văn Q phải bồi thường là 186.570.160 đồng; bị cáo Phan Xuân N phải bồi thường là 100.000.000 đồng theo Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện gia đình các bị cáo không có ruộng để canh tác nên không có thu nhập ổn định nay phải bồi thường số tiền tương đối lớn nên trước mắt có khó khăn như đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của hai bị cáo là phù hợp, vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Q và không khấu trừ thu nhập của bị cáo Q theo Điều 36 và khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Còn bị cáo N đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung, đồng thời miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho cả hai bị cáo theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong vụ án này công cụ phá rừng là chiếc máy xúc của anh Đặng Văn H và anh Triệu Văn B, nhưng hai người này chỉ làm thuê theo sự chỉ đạo của hai bị cáo; hơn nữa họ cũng không biết là rừng nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc máy xúc cho họ là có cơ sở Hội đồng xét xử không xem xét và vì vậy anh B, anh H không liên quan đến vụ án mà chỉ là người làm chứng.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo **Phan Văn Q, Phan Xuân N** phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”.

2/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn Q **12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (nơi bị cáo thường trú) để quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Phan Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Văn Q.

3/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Xuân N **50.000.000** (*Năm mươi triệu*) đồng.

4/ Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự (Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ; địa chỉ trụ sở: Thôn Thống Nhất, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu), mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là:

Bị cáo Phan Văn Q là **186.570.160** (*Một trăm tám mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn một trăm sáu mươi*) đồng.

Bị cáo Phan Xuân N số tiền là **100.000.000** (*Một trăm triệu*) đồng.

5/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho hai bị cáo.

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CQCSĐT huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn dân sự;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- THADS huyện phong Thổ;
- Lưu: THA-HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà